

Số: /2026/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ thu nhập đối với một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo và chính sách bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 46/2014/QH13 và Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

Căn cứ Thông tư số 25/2025/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thu nhập đối với một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo và chính sách bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số...../BC-BVHXXH ngày...tháng....năm 2026 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ thu nhập đối với một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo và chính sách bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ thu nhập đối với một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo và chính sách bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận từ năm 2025 đến năm 2030 đang hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng hằng tháng từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật dưới mức chuẩn nghèo đa chiều quốc gia theo quy định;

2. Người thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận từ năm 2025 đến năm 2030 không có thu nhập hằng tháng (tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và các khoản trợ cấp khác từ ngân sách nhà nước) thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo quy định tại Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp;

b) Người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2024/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

c) Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám chữa bệnh;

d) Trẻ em;

đ) Người từ đủ 16 tuổi nhưng đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất được hưởng chính sách hỗ trợ cho đến khi kết thúc khóa học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi;

e) Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không có vợ, chồng, con (bao gồm cả trường hợp: có vợ hoặc chồng nhưng đã li hôn; có vợ, chồng, con nhưng người này đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật);

- Có vợ hoặc chồng và không có con (bao gồm cả trường hợp có con nhưng con đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật);

- Có vợ, chồng, con nhưng người này thuộc một trong các trường hợp: đang hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng hàng tháng tại cộng đồng; đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; con dưới 18 tuổi đến không quá 22 tuổi đang trong thời gian học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất; thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản này.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Hỗ trợ thu nhập hàng tháng

1. Hỗ trợ thêm hàng tháng cho các đối tượng tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này (ngoài phần kinh phí trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng hàng tháng từ ngân sách nhà nước) để đảm bảo tổng kinh phí trợ cấp và hỗ trợ bằng mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 do Chính phủ quy định cụ thể như sau:

- a) Năm 2026, tổng kinh phí trợ cấp và hỗ trợ là 2.000.000 đồng/người/tháng đối với khu vực đô thị (phường); 1.500.000 đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn (xã);

- b) Từ năm 2027 đến năm 2030, tổng kinh phí trợ cấp và hỗ trợ là 2.800.000 đồng/người/tháng đối với khu vực đô thị (phường); 2.200.000 đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn (xã).

Trong thời gian thực hiện chính sách các đối tượng thuộc khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng hỗ trợ thêm hàng tháng mà không còn được hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội từ ngân sách nhà nước thì được hỗ trợ 100% mức thu nhập quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

2. Hỗ trợ hàng tháng cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này bằng mức thu nhập quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 4. Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế

Người thuộc hộ thoát nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận từ năm 2025 đến năm 2030 được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định. Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 5 . Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết này từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ 01 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Nội vụ, Y tế, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục &ĐT;
- Vụ pháp chế các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Nội vụ; Y tế; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin – Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và Phát thanh truyền hình Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV.

CHỦ TỊCH